

Bản án số: **81/2021/HS-ST**
Ngày: 26/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Hợp.
2. Ông Nguyễn Việt Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân, Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vũ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2020/TLST - HS ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Ngô Văn T, Sinh ngày 06 tháng 02 năm 1988;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm 1, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12. Con ông: Ngô Minh K (đã chết); Con bà: La Thị C, Sinh năm 1956; Vợ: Nguyễn Thị H, Sinh năm 1991. Có 01 con sinh năm 2008. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 20/4/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. *Có mặt.*

*** Người bị hại:**

Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1997 (*Vắng mặt không có lý do*);

Trú quán: Xóm 1, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

*** Người có QLNVLQ:**

1. Anh Phạm Văn B, sinh 1986 (*vắng mặt có lý do*);

2. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1978 (*vắng mặt có lý do*);

3. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1954 (*vắng mặt có lý do*);

Đều Trú quán: Xóm 1, xã T, huyện Đại Từ, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Văn T là người nghiện chất ma túy, do không có tiền mua chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 21/02/2021, T một mình đi bộ quanh khu vực xóm 1, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mục đích xem có gia đình nào sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp tài sản mang bán lấy tiền mua chất ma túy sử dụng. Khi T đi đến gia đình anh Nguyễn Đức T1 (Sinh năm 1997, trú tại xóm 1, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên) thì thấy nhà anh T1 đã tắt điện đi ngủ nên T nảy sinh ý định đột nhập vào trong nhà anh T1 để trộm cắp tài sản, T đi ra khu vực phía sau nhà anh T1 quan sát thấy có một cánh cửa gỗ không khóa mà chỉ chống bằng một thanh kim loại. T dùng hai tay nhấc cánh cửa sang bên trái để có khe hở và thò tay phải vào trong nhấc thanh kim loại dùng để chống cửa gỗ ra. T tiếp tục dùng hai tay nhấc cánh cửa gỗ ra đủ rộng để thân người có thể đi qua và vào trong nhà bếp của gia đình anh T1. T lấy 01 nồi cơm điện nhãn hiệu Cuckoo, màu đỏ trắng và 01 chiếc quạt điện phun sương nhãn hiệu Sunhouse, màu đen mang ra ngoài rồi T khép cửa gỗ lại, T mang nồi cơm điện và chiếc quạt điện về nhà cất giấu. Sau đó, T tiếp tục quay lại nhà anh T1 nhấc cánh cửa gỗ, vào bếp trộm cắp 01 bình gas nhãn hiệu Petrol “Hong Viet”. T vác bình gas về nhà cất giấu và đi ngủ. Đến khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày, T gọi điện thoại cho anh Phạm Văn B (sinh năm 1986 là hàng xóm nhà T) sang nhà T nói có việc cần nhờ. Một lúc sau anh B đến nhà T, T đã bán bình gas trộm cắp của gia đình anh T1 cho anh B với giá 150.000đồng. Anh B đưa tiền cho T rồi vác bình gas về nhà (Khi mua anh B không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có).

Về phía gia đình anh Nguyễn Đức T1 sau khi phát hiện mất trộm tài sản đã tiến hành kiểm tra camera an ninh của gia đình, phát hiện T là người trộm cắp tài sản nên đã làm đơn trình báo sự việc đến Công an xã T đề nghị giải quyết theo quy định. Công an xã T, huyện Đại Từ triệu tập T làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của gia đình anh T1 và giao nộp lại 150.000đồng là số tiền T bán chiếc bình ga. Thu giữ tại nhà anh B chiếc bình ga và thu giữ tại nhà T chiếc quạt điện và nồi cơm điện là vật chứng của vụ án.

Ngoài ra, T còn khai nhận trước đó đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể: *Vụ thứ nhất:* Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 07/01/2021, T đã trộm cắp 01 chiếc máy bơm nước, 370W, nhãn hiệu “KUTA”, đã qua sử dụng của gia đình chị Phạm Thị V (Sinh năm 1978, ở cùng xóm với T) rồi mang về nhà cất giấu. Đến khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày T mang bán cho một cửa hàng điện dân dụng ở xã Hà Thượng, huyện Đại Từ với giá 150.000đồng (T không biết tên và địa chỉ cụ thể cửa hàng). T đi mua ma túy sử dụng cho bản thân và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng thời gian tháng 01/2021, (T không xác định được rõ thời gian cụ thể) T đã trộm cắp 03 con gà (gồm 01 con gà trống, 02 con gà mái) mỗi con có khối lượng khoảng 02kg của gia đình ông Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1954, ở cùng xóm với T) rồi mang bán cho một người phụ nữ không biết lai lịch, địa chỉ tại khu vực dốc Đình, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ với giá 300.000đồng. T đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân và tiêu xài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 28/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận: 01 chiếc quạt điện phun sương màu đen, nhãn hiệu SUNHOUSE đã qua sử dụng có giá trị là 1.500.000đồng; 01 chiếc nồi cơm điện, màu sơn đỏ trắng, nhãn hiệu CUCKOO CR 1122 đã qua sử dụng có giá trị là 600.000đồng; 01 bình gas màu đỏ bằng kim loại, trên thân bình gas có dòng chữ PTRO HONG VIET, đã qua sử dụng có giá trị là 200.000đồng. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp của gia đình anh Nguyễn Đức T1 là 2.300.000đồng. Hiện tài sản đã được thu hồi trả lại cho anh T1 quản lý sử dụng.

Tại kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 24/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận: 01 chiếc máy bơm nước 370W, nhãn hiệu “KUTA”, đã qua sử dụng, máy bơm nước mua mới năm 2016 là 500.000đ; 03 con gà, loại gà mía, mỗi con có trọng lượng khoảng 02kg. Trong đó: 02 con gà mái có màu lông vàng, 01 con gà trống có màu lông đỏ giá trị ước tính là 52.000đồng/kg x 02kg x 03 con = 312.000đ. Tổng giá trị tài sản là 812.000đồng. Hiện tài sản không thu hồi được.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu trắng, mặt sau của chiếc điện thoại bị nứt vỡ, đã qua sử dụng và số tiền 150.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ của T.

Về phần dân sự: Anh Nguyễn Đức T1, chị Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn T2 và anh Phạm Văn B không yêu cầu đề nghị gì đối với T.

Tại bản cáo trạng số 80/CT-VKSĐT ngày 30/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Ngô Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Ngô Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. *Áp dụng*: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. *Xử phạt*: bị cáo tù 09 đến 12 tháng tù. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo chịu án phí HSST theo quy định.

Trong phần T1 luận, bị cáo không có ý kiến T1 luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Bị cáo nói lời sau cùng: xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người bị hại, người có QLNVLQ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được T1 tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người

tham gia tổ tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét hành vi của bị cáo, thấy: Tại phiên tòa bị cáo Ngô Văn T khai nhận. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 21/02/2021, lợi dụng gia đình anh Nguyễn Đức T1 trú tại xóm 1, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên sở hữu, Ngô Văn T đã thực hiện hành vi đột nhập vào gian bếp nhà anh T1 trộm cắp 01 chiếc quạt điện phun sương màu đen, nhãn hiệu SUNHOUSE; 01 chiếc nồi cơm điện màu sơn đỏ trắng, nhãn hiệu CUCKOO CR 1122; 01 bình gas màu đỏ bằng kim loại, trên thân bình gas có dòng chữ PTRO HONG VIET. Tổng giá trị là 2.300.000đồng. Ngoài ra, trước đó vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 07/01/2021, T đã trộm cắp 01 chiếc máy bơm nước 370W, nhãn hiệu “KUTA” của gia đình chị Phạm Thị V và vào khoảng thời gian tháng 01/2021, T đã trộm cắp 03 con gà của gia đình ông Nguyễn Văn T2..

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, HĐXX có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

“ Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ”

Bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật quy định.

[3]. Xét tính chất của vụ án: Tính chất của vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và làm mất trật tự, trị an tại địa phương.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là Người phạm tội thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm i,s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo xuất thân từ gia đình lao động, được gia đình nuôi ăn học và có đủ nhận thức được các việc làm đúng, sai của bản thân. Mặc dù, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự Nhưng do ăn chơi, đua đòi nên bị cáo đã mắc nghiện chất ma túy.

[6]. Về hình phạt: Căn cứ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy: do mắc nghiện chất ma túy không từ bỏ được nên để có tiền phục vụ cho du

cầu sử dụng trái phép chất ma túy của bản thân, trong một khoảng thời gian ngắn bị cáo Ngô Văn T đã liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Mặc dù, giá trị tài sản bị cáo trộm cắp không lớn, có những lần phạm tội giá trị tài sản chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm, như lần phạm tội tại gia đình ông T2, chị V đều có giá trị dưới hai triệu đồng. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo đã gây mất an ninh trật tự nghiêm trọng tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần thiết phải có mức hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7]. Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu trắng, mặt sau của chiếc điện thoại bị nứt vỡ, đã qua sử dụng và số tiền 150.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ của bị cáo T. Đây là phương tiện bị cáo sử dụng liên lạc để bán tài sản sau khi đã trộm cắp được và là khoản tiền thu lời bất chính mà có nên đều được tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Anh Nguyễn Đức T1, chị Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn T2 và anh Phạm Văn B đều không có yêu cầu về dân sự, HĐXX không xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST sung công quỹ Nhà nước.

[9]. Các nội dung khác có liên quan trong vụ án:

Liên quan đến vụ án còn có anh Phạm Văn B là người đã mua chiếc bình gas của T, nhưng khi mua anh B không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý;

Đối với số tài sản bị Ngô Văn T trộm cắp tại gia đình chị Nguyễn Thị V và gia đình ông Nguyễn Văn T2. Do tài sản bị cáo trộm cắp được trong hai vụ việc trên có giá trị dưới 2.000.000 đồng, nhân thân T chưa có tiền án, tiền sự nên không cấu thành tội phạm. Công an huyện Đại Từ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, quá trình điều tra T khai sau khi trộm cắp tài sản của gia đình chị V và ông T2, T đã bán và lấy tiền mua chất ma túy của người không biết tên, tuổi và địa chỉ vào ngày 07/01/2021 và khoảng thời gian tháng 01/2021, do không xác định được lai lịch địa chỉ nên không có cơ sở để điều tra xử lý đối với những người bán chất ma túy cho T;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Ngô Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Ngô Văn T 18 (mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2021.

Áp dụng: Điều 329 BLTTHS quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

* **Về vật chứng vụ án:** Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu trắng, mặt sau của chiếc điện thoại bị nứt vỡ, đã qua sử dụng và số tiền 150.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả trong quyết định chuyển vật chứng số 71/QĐ - VKSĐT ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ và các biên bản giao nhận vật chứng kèm theo).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật án phí lệ phí; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Ngô Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- THA DS, THA HS Đại Từ;
- Bị cáo, Bị hại; UBND xã T;
- Lưu VT.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên